

Số: 108/2022/QĐST-HNGĐ

*Đơn Dương, ngày 30 tháng 9 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 254, đường H, Tổ dân phố L, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Trần Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 254, đường H, Tổ dân phố L, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quý tín dụng nhân dân X; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hữu Duy T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/9/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Thu H và ông Trần Nguyễn Hoàng L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thu H và ông Trần Nguyễn Hoàng L

thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các bên thỏa thuận giao 02 con chung là Trần Nhật Hạnh N, sinh ngày 13/8/2007 và Trần Nhật Khánh B, sinh ngày 28/11/2009 cho bà Ngô Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên. Bà Hà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về tài sản chung: Các bên thỏa thuận phân chia tài sản chung gồm có: Diện tích đất 1.264m<sup>2</sup> thuộc thửa số 526 và thửa số 528 tờ bản đồ số 10, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH do UBND huyện Đ cấp cho vợ chồng ngày 19/9/2017.

+ Ông Trần Nguyễn Hoàng L được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 687m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 528 và một phần thửa 526, Tờ bản đồ số 10, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vị trí Lô 1, theo Bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 14/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ)

+ Bà Ngô Thị Thu H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 687m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 528 và một phần thửa 526, Tờ bản đồ số 10, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vị trí Lô 2, theo Bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 14/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ)

Các bên thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp là 600.000.000đ, phần diện tích mỗi người được chia có giá trị tương ứng với 300.000.000đ.

Đối với các tài sản chung còn lại các bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bà H, ông L có trách nhiệm phối hợp trong việc liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất được chia theo Quyết định này.

4. Về nợ chung: Vợ chồng có khoản nợ chung 250.000.000đ tại Quỹ tín dụng nhân dân X, hiện nay chưa tất toán. Các bên thỏa thuận phân chia mỗi bên chịu trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ này, phần mỗi người phải trả là 125.000.000đ nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong.

5. Về án phí: Bà Ngô Thị Thu H thỏa thuận chịu 10.775.000đ án phí sơ thẩm (trong đó có 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 7.500.000đ án phí chia tài sản chung và 3.125.000đ án phí chia nợ chung) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.775.000đ bà H đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003615 ngày 25/10/2021 và 0008960 ngày 22/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./.

(Kèm theo Bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 14/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng)

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn D'ran, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**Võ Thành Luân**